

Số: 745/QĐ-ĐHSPKTVL-CTHSSV

Vĩnh Long, ngày 10 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Học bổng và Trợ cấp xã hội cho sinh viên học kỳ 1 năm học 2016 - 2017

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-BLĐT BXH, ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc “Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long”;

Căn cứ Thông tư số 53/1998/TT-LT/BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 25/8/1998 của Liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập. Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 03/08/2009 của liên Bộ về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục I phần II của Thông tư liên tịch số 53/1998/TT-LT/BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 25/8/1998 của Liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Quyết định số 239/1999/QĐ-TTG ngày 28/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung, sửa đổi khoản A điều 1 của Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTG ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên của các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/08/2007 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xét cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi bổ sung khoản 3 điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15/08/2007 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐT BXH, ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xét cấp học bổng khuyến khích học nghề;

Căn cứ Hướng dẫn số 237/HD-ĐHSPKTVL-CTHSSV ngày 29/02/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long Hướng dẫn về việc xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh sinh viên hệ chính quy và vừa làm vừa học;

Căn cứ biên bản của Hội đồng xét Rèn luyện, Học bổng và Trợ cấp xã hội cho HSSV học kỳ 1 năm học 2016 – 2017 họp vào ngày 07/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp học bổng khuyến khích học tập cho **105** sinh viên đạt thành tích học tập và rèn luyện Giỏi, Xuất sắc trong học kỳ 1 năm học 2016 – 2017 (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Nay cấp trợ cấp xã hội học kỳ 1 năm học 2016 – 2017 cho **39** sinh viên thuộc diện hộ nghèo, mồ côi, người dân tộc ở vùng cao (Có danh sách kèm theo).

Điều 3. Trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ, Trưởng các Phòng, Khoa liên quan và sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở điều 1, điều 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu Phòng CTHSSV.

HIỆU TRƯỞNG



QUỸ HỌC BỔNG HK I NĂM HỌC 2016 – 2017

Tổng quỹ học bổng năm học (2016 – 2017) : 500,000,000đồng

Chi Học bổng học kỳ 1: 248,700,000 đồng

I/- ƯỚC TÍNH QUỸ HỌC BỔNG HK I THEO KHÓA TÍNH THEO MỨC TRƯỜNG QUY ĐỊNH

- * Khóa 38CĐ: $(248,700,000đ/3634sv) \times 180 = 12.300.000đ$
- * Khóa 39ĐH: $(248,700,000đ/3634sv) \times 476 = 32.500.000đ$
- * Khóa 39CĐ: $(248,700,000đ/3634sv) \times 191 = 13.000.000đ$
- * Khóa 39CĐN: $(248,700,000đ/3634sv) \times 197 = 13.400.000đ$
- * Khóa 40ĐH: $(248,700,000đ/3634sv) \times 823 = 56.300.000đ$
- * Khóa 40CĐ: $(248,700,000đ/3634sv) \times 324 = 22.200.000đ$
- * Khóa 41ĐH: $(248,700,000đ/3634sv) \times 1027 = 70.200.000đ$
- * Khóa 41CĐ: $(248,700,000đ/3634sv) \times 416 = 28,400.000đ$

Tổng Cộng: = 248.300.000 đồng

II/- DỰ KIẾN CẤP HỌC BỔNG HK I THEO KHÓA:

1. Khóa 38CĐ: ĐTBCHT của sinh viên có học bổng là **3.79** trở lên, ĐRL: **89** trở lên

- Học bổng KKHT:

Xuất sắc: $4sv \times 400,000đ \times 5 \text{ tháng} = 8,000,000đ$

Giỏi: $2sv \times 370,000đ \times 5 \text{ tháng} = 3,700,000đ$

- Trợ cấp xã hội:

Hộ nghèo: $0sv \times 100,000đ \times 6 \text{ tháng} = 0đ$

Cộng: = 11,700,000 đồng

2. Khóa 39ĐH: ĐTBCHT của sinh viên có học bổng là **3.74** trở lên, ĐRL: **91** trở lên

- Học bổng KKHT:

Xuất sắc: $12sv \times 480,000đ \times 5 \text{ tháng} = 28,800,000đ$

- Trợ cấp xã hội:

Hộ nghèo: $7sv \times 100,000đ \times 6 \text{ tháng} = 4,200,000đ$

Cộng: = 33,000,000 đồng

3. Khóa 39CĐ: ĐTBCHT của sinh viên có học bổng là **3.79** trở lên, ĐRL: **90** trở lên

- Học bổng KKHT:

Xuất sắc: $6sv \times 400,000đ \times 5 \text{ tháng} = 12,000,000đ$

- Trợ cấp xã hội:

Hộ nghèo: $2sv \times 100,000đ \times 6 \text{ tháng} = 1,200,000đ$

Cộng: = 13,200,000 đồng

4. Khóa 39CĐN: ĐTBCHT của sinh viên có học bổng là **8.20** trở lên, ĐRL: **82** trở lên

- Học bổng KKHT:

Giỏi: $9sv \times 300,000đ \times 5 \text{ tháng} = 13,500,000đ$

- Trợ cấp xã hội:

Hộ nghèo: 0sv x 100,000đ x 6 tháng = 0đ

Cộng: = 13,500,000 đồng

5. **Khóa 40ĐH:** ĐTBCHT của sinh viên có học bổng là **3.68** trở lên, ĐRL: **95** trở lên

- Học bổng KKHT:

Xuất sắc: 20sv x 480,000đ x 5 tháng = 48,000,000đ

- Trợ cấp xã hội:

Hộ nghèo: 15sv x 100,000đ x 6 tháng = 9,000,000đ

Cộng: = 57,000,000 đồng

6. **Khóa 40CĐ:** ĐTBCHT của sinh viên có học bổng là **3.41** trở lên, ĐRL: **90** trở lên

- Học bổng KKHT:

Xuất sắc: 1sv x 400,000đ x 5 tháng = 2,000,000đ

Giỏi: 11sv x 370,000đ x 5 tháng = 20,350,000đ

- Trợ cấp xã hội:

Hộ nghèo: 0sv x 100,000đ x 6 tháng = 0đ

Cộng: = 22,350,000 đồng

7. **Khóa 41ĐH:** ĐTBCHT của sinh viên có học bổng là **3.89** trở lên, ĐRL: **82** trở lên

- Học bổng KKHT:

Xuất sắc: 8sv x 480,000đ x 5 tháng = 19,200,000đ

Giỏi: 19sv x 450,000đ x 5 tháng = 42,750,000đ

- Trợ cấp xã hội:

Hộ nghèo: 11sv x 100,000đ x 6 tháng = 6,600,000đ

Cộng: = 68,550,000 đồng

8. **Khóa 41CĐ:** ĐTBCHT của sinh viên có học bổng là **3.50** trở lên, ĐRL: **83** trở lên

- Học bổng KKHT:

Xuất sắc: 2sv x 400,000đ x 5 tháng = 4,000,000đ

Giỏi: 11sv x 370,000đ x 5 tháng = 20,350,000đ

- Trợ cấp xã hội:

Hộ nghèo: 4sv x 100,000đ x 6 tháng = 2,400,000đ

Cộng: = 26,750,000 đồng

Khóa	Quỹ ước tính	Thực tế	Chênh lệch
* Khóa 38CĐ	12,300,000	11,700,000	600,000
* Khóa 39ĐH	32,500,000	33,000,000	-500,000
* Khóa 39CĐ	13,000,000	13,200,000	-200,000
* Khóa 39CĐN	13,400,000	13,500,000	-100,000
* Khóa 40ĐH	56,300,000	57,000,000	-700,000
* Khóa 40CĐ	22,200,000	22,350,000	-150,000
* Khóa 41ĐH	70,200,000	68,550,000	1,650,000
* Khóa 41CĐ	28,400,000	26,750,000	1,650,000
Tổng cộng	248,300,000 đồng	246,050,000đồng	2.250,000đồng

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG HSSV ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

Học kỳ I, Năm học: 2016 - 2017

TT	LỚP	KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHUNG			CỘNG	GHI CHÚ
		KHÁ	GIỎI	XUẤT SẮC		
1	CNKTOTO 2013				0	K38CĐ: 180
2	CNCTM 2013		4		4	XS: 4(2.22%)
3	CNKTĐĐT 2013-1		6	1	7	G: 28(15.56%)
4	CNKTĐĐT 2013-2		9		9	
5	CNTT 2013		4	3	7	
6	CNKTCĐT 2013		5		5	
7	ĐH.CNKTOTO 2014		20	5	25	K39ĐH: 476
8	ĐH.CNCTM 2014		5		5	XS: 16 (3.36%)
9	ĐH.CNKT Đ-ĐT 2014		25	4	29	G: 90(18.91%)
10	ĐH.CNTT 2014		4		4	
11	ĐH.CNTP 2014		23	7	30	
12	ĐH.CNKTCCK 2014		13		13	
13	CĐ.CNKTOTO 2014		9	2	11	K39CĐ: 191
14	CĐ.CNKTĐĐT 2014		4		4	XS: 8(4.19%)
15	CĐ.CNTT 2014				0	G: 21(10.99%)
16	CĐ.CNTP 2014		4	4	8	
17	CĐ.CNKTCĐT 2014		4	2	6	
18	CĐN.CNOTO 2014		3		3	K39CĐN: 197
19	CĐN.CGKL 2014		3		3	G: 16(8.12%)
20	CĐN.ĐTCN 2014		4		4	
21	CĐN.ĐCN 2014		1		1	
22	CĐN KTSC&LRMT 2014		2		2	
23	CĐN CBTP 2014		2		2	
24	CĐN.KTML&ĐHKK 2014		1		1	
25	ĐH.CNKTOTO 2015		24	7	31	K40ĐH: 823
26	ĐH.CNCTM 2015		1	1	2	XS: 25(3.04%)
27	ĐH.CNKTĐĐT 2015		29	3	32	G: 112(13.61%)
28	ĐH.CNTT 2015		7	1	8	
29	ĐH.CNTP 2015		20	5	25	
30	ĐH.CNKTCĐT 2015		4	3	7	

31	ĐH.CNKTĐK&TĐH 2015		9	1	10	
32	ĐH.CNKTCK 2015		18	4	22	
33	CĐ.CNKTĐĐT 2015		5		5	K40 CĐ: 324
34	CĐ.CNTT 2015		3		3	XS: 1(0.31%)
35	CĐ.CNTP 2015		3		3	G: 26(8.02%)
36	CĐ.CNKTCK 2015		1		1	
37	CĐ.CNKTOTO 2015		5	1	6	
38	CĐ.CNKTCĐT 2015				0	
39	CĐ.ĐCN 2015		9		9	
40	CĐ.KTML&ĐHKK 2015				0	
41	ĐH.CNKTOTO 2016		22		22	K41 ĐH: 1027
42	ĐH.CNCTM 2016		2		2	XS: 8 (0.78%)
43	ĐH.CNKTĐĐT 2016		11	1	12	G: 182(17.72%)
44	ĐH.CNTT 2016		46	1	47	
45	ĐH.CNTP 2016		50	2	52	
46	ĐH.CNKTCĐT 2016		3	1	4	
47	ĐH.CNKTĐK&TĐH 2016		1		1	
48	ĐH.CNKTCK 2016		15		15	
49	ĐH.TY 2016		27	2	29	
50	ĐH.CTXH 2016		5	1	6	
51	CĐ.CNKTOTO 2016		7	1	8	K41 CĐ: 416
52	CĐ.CNKTĐĐT 2016		1		1	XS: 2(0.48%)
53	CĐ.CNTT 2016		2		2	G: 26(6.25%)
54	CĐ.CNTP 2016		1		1	
55	CĐ.CNKTCK 2016				0	
56	CĐ.TY 2016		14		14	
57	CĐ.CNKTCĐT 2016				0	
58	CĐ.ĐCN 2016			1	1	
59	CĐ.KTML&ĐHKK 2016		1		1	
TỔNG CỘNG		0	501	64	565	

Toàn trường: 3634

chiếm tỷ lệ **100%**

Giỏi: 501

"

13.79%

Xuất sắc: 64

"

1.76%

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH LONG

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 38CP
ĐƯỢC XÉT CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2016 - 2017

(Kèm theo quyết định số 717/QĐ-CT HSSV ngày 10 tháng 4 năm 2017)

TT	Mssv	Họ và tên	Lớp	Điểm RL1	Điểm TBCHT HK1	Loại	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
1	13103055	Trần Thiện Tân	CD.CNKTBĐT 2013-1	90	4.00	Xuất sắc	400.000	
2	13104002	Nguyễn Quốc An	CD.CNTT 2013	90	4.00	Xuất sắc	400.000	
3	13104053	Nguyễn Thanh Tâm	CD.CNTT 2013	98	3.75	Xuất sắc	400.000	
4	13104018	Nguyễn Thành Đạt	CD.CNTT 2013	90	3.67	Xuất sắc	400.000	
5	13103058	Dương Ngô Nhựt Tân	CD.CNKTBĐT 2013-1	85	3.86	Giỏi	370.000	
6	13103051	Võ Đăng Quang	CD.CNKTBĐT 2013-1	89	3.79	Giỏi	370.000	

*Ghi chú : DTBCHT của sinh viên có học bổng là : 3.79 trở lên; DRL đạt loại "Tốt" trở lên.

Vinh Long, Ngày 10 tháng 4 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



2340

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH LONG

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 39ĐH
ĐƯỢC XÉT CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2016 - 2017

(Kèm theo quyết định số 145 /QĐ-CT HSSV ngày 10 tháng 4 năm 2017)

TT	Mssv	Họ và tên	Lớp	Điểm RL1	Điểm TBCHT HK1	Loại	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
1	14001113	Nguyễn Thanh Huy	DH.CNKTTTTOTO 2014	93	3.92	Xuất sắc	480.000	
2	14005023	Trần Văn Hải	DH.CNTP 2014	94	3.86	Xuất sắc	480.000	
3	14005077	Nguyễn Thị Huỳnh Như	DH.CNTP 2014	93	3.86	Xuất sắc	480.000	
4	14005067	Huỳnh Hữu Nghị	DH.CNTP 2014	94	3.82	Xuất sắc	480.000	
5	14005131	Đỗ Thị Như Ý	DH.CNTP 2014	94	3.82	Xuất sắc	480.000	
6	14001092	Hồ Thanh Tín	DH.CNKTTTTOTO 2014	91	3.82	Xuất sắc	480.000	
7	14003104	Nguyễn Việt Trung	DH.CNKTTTTDT 2014	91	3.82	Xuất sắc	480.000	
8	14005005	Lý Thế Chân	DH.CNTP 2014	90	3.82	Xuất sắc	480.000	
9	14001084	Nguyễn Minh Thiện	DH.CNKTTTTOTO 2014	91	3.76	Xuất sắc	480.000	
10	14005115	Nguyễn Thị Huyền Trân	DH.CNTP 2014	92	3.75	Xuất sắc	480.000	

TT	Mssv	Họ và tên	Lớp	Điểm RL1	Điểm TBCHT HK1	Loại	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
11	14001026	Nguyễn Văn Hiệp	DH.CNKOTO 2014	95	3.74	Xuất sắc	480.000	
12	14003061	Phan Ngọc Phu	DH.CNKTDĐT 2014	91	3.74	Xuất sắc	480.000	

*Ghi chú : DTBCHT của sinh viên có học bổng là : 3.74 trở lên; DRL đạt loại "Xuất sắc" trở lên.

Vinh Long, Ngày 10 tháng 4 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH LONG

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 39CP
ĐƯỢC XÉT CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2016 - 2017

(Kèm theo quyết định số 15/QĐ-CT HSSV ngày 10 tháng 4 năm 2017)

TT	Mssv	Họ và tên	Lớp	Điểm RL1	Điểm TBCHT HK1	Loại	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
1	14101055	Bùi Thanh Sơn	CD.CNKTOTO 2014	92	4.00	Xuất sắc	400.000	
2	14105012	Hồ Thị Diễm Linh	CD.CNTP 2014	94	3.88	Xuất sắc	400.000	
3	14105026	Mai Thị Tường Vi	CD.CNTP 2014	90	3.86	Xuất sắc	400.000	
4	14106037	Nguyễn Thanh Tùng	CD.CNKTCBDT 2014	93	3.82	Xuất sắc	400.000	
5	14105016	Quan Minh Tâm	CD.CNTP 2014	90	3.79	Xuất sắc	400.000	
6	14105019	Võ Thanh Hồng Thủy	CD.CNTP 2014	90	3.79	Xuất sắc	400.000	

*Ghi chú : DTBCHT của sinh viên có học bổng là : 3.79 trở lên; DRL đạt loại " **Xuất sắc** " trở lên.

Vinh Long, Ngày 10 tháng 4 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH LONG

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 39CDN
ĐƯỢC XÉT CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2016 - 2017

(Kèm theo quyết định số 15/QĐ-CT HSSV ngày 10 tháng 4 năm 2017)

TT	Mssv	Họ và tên	Lớp	Điểm RL1	Điểm TBCHT HK1	Loại	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
1	14225020	Nguyễn Minh Nhựt	CDN.ĐTCN 2014	82	8.90	Giỏi	300.000	
2	14226005	Cao Hồng Chương	CDN.DCN 2014	85	8.50	Giỏi	300.000	
3	14225030	Nguyễn Trung Hòa	CDN.ĐTCN 2014	81	8.50	Giỏi	300.000	
4	14225024	Bành Phúc Tài	CDN.ĐTCN 2014	82	8.40	Giỏi	300.000	
5	14225011	Nguyễn Duy Kha	CDN.ĐTCN 2014	86	8.30	Giỏi	300.000	
6	14233031	Lê Vũ Tuấn	CDN.KTSC&LRMT 2014	84	8.30	Giỏi	300.000	
7	14220041	Hà Hoàng Phong	CDN.CNOTO 2014	86	8.20	Giỏi	300.000	
8	14223024	Nguyễn Thành Phương	CDN.CGKL 2014	83	8.20	Giỏi	300.000	
9	14228008	Phan Văn Duy Khánh	CDN.CBTP 2014	82	8.20	Giỏi	300.000	

*Ghi chú : DTBCHT của sinh viên có học bổng là : 8.20 trở lên; ĐRL đạt loại "Tốt" trở lên.

Vinh Long, Ngày 10 tháng 4 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH LONG

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 40DH
ĐƯỢC XÉT CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2016 - 2017

(Kèm theo quyết định số 176 /QĐ-CT HSSV ngày 10 tháng 4 năm 2017)

TT	Mssv	Họ và tên	Lớp	Điểm RL1	Điểm TBCHT HK1	Loại	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
1	15005017	Trần Thị Mỹ Chi	DH.CNTP 2015	92	4.00	Xuất sắc	480.000	
2	15005081	Lê Thị Bích Ngọc	DH.CNTP 2015	94	3.90	Xuất sắc	480.000	
3	15003030	Nguyễn Tiêng Đạt	DH.CNKTBĐT 2015	91	3.90	Xuất sắc	480.000	
4	15001075	Hồ Văn Khan	DH.CNKTTTTO 2015	90	3.88	Xuất sắc	480.000	
5	15008057	Nguyễn Thành Phát	DH.CNKTKCK 2015	90	3.86	Xuất sắc	480.000	
6	15001177	Huỳnh Minh Thoại	DH.CNKTTTTO 2015	90	3.82	Xuất sắc	480.000	
7	15005186	Trương Phan Tường Vy	DH.CNTP 2015	90	3.81	Xuất sắc	480.000	
8	15006009	Nguyễn Quang Huy	DH.CNKTCBT 2015	92	3.80	Xuất sắc	480.000	
9	15001155	Nguyễn Hoài Tâm	DH.CNKTTTTO 2015	91	3.80	Xuất sắc	480.000	
10	15004039	Phạm Hoàng Khang	DH.CNTP 2015	93	3.79	Xuất sắc	480.000	
11	15001062	Trương Minh Học	DH.CNKTTTTO 2015	91	3.79	Xuất sắc	480.000	

TT	Massv	Họ và tên	Lớp	Điểm RL1	Điểm TBCHT HK1	Loại	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú	
12	15008093	Dương Minh	Tinh	DH.CNKTC 2015	93	3.78	Xuất sắc	480.000	
13	15002007	Phan Trường	Duy	DH.CNCTM 2015	92	3.78	Xuất sắc	480.000	
14	15001206	Nguyễn Thị Cẩm Tú	DH.CNKTOTOTO 2015	91	3.77	Xuất sắc	480.000		
15	15005164	Giáp Phạm Ngọc Trâm	DH.CNTP 2015	95	3.76	Xuất sắc	480.000		
16	15003006	Nguyễn Thị Kim Bình	DH.CNKCTBDT 2015	90	3.75	Xuất sắc	480.000		
17	15008063	Nguyễn Văn Quà	DH.CNKTC 2015	90	3.74	Xuất sắc	480.000		
18	15003081	Trần Thành Luân	DH.CNKCTBDT 2015	91	3.70	Xuất sắc	480.000		
19	15001124	Mai Trần Tấn Phát	DH.CNKTOTOTO 2015	90	3.70	Xuất sắc	480.000		
20	15006027	Nguyễn Ngọc Tuấn	DH.CNKTCBDT 2015	95	3.68	Xuất sắc	480.000		

*Ghi chú : DTBCHT của sinh viên có học bổng là : 3.68 trở lên; DRL đạt loại "Xuất sắc" trở lên.

Vinh Long, Ngày 10 tháng 4 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH LONG

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 40CD
ĐƯỢC XÉT CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2016 - 2017

(Kèm theo quyết định số 745/QĐ-CT HSSV ngày 10 tháng 4 năm 2017)

TT	Mssv	Họ và tên	Lớp	Điểm RL1	Điểm TBCHT HK1	Loại	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú	
1	15120163	Trần Hoàng	Phước	CD.CNKITOTO 2015	90	3.86	Xuất sắc	400.000	
2	15126030	Nguyễn Phan Minh	Tân	CD.ĐCN 2015	88	3.68	Giỏi	370.000	
3	15126036	Lương Hải	Triều	CD.ĐCN 2015	88	3.66	Giỏi	370.000	
4	15105020	Trần Ngọc	Liên	CD.CNTP 2015	80	3.61	Giỏi	370.000	
5	15104084	Vô Xuân	Vinh	CD.CNTT 2015	90	3.53	Giỏi	370.000	
6	15103043	Nguyễn Minh	Vàng	CD.CNKITBDT 2015	87	3.53	Giỏi	370.000	
7	15103006	Lê Huỳnh	Đức	CD.CNKITBDT 2015	80	3.53	Giỏi	370.000	
8	15120060	Nguyễn Tấn	Lộc	CD.CNKITOTO 2015	90	3.52	Giỏi	370.000	
9	15126010	Nguyễn Phi	Hùng	CD.ĐCN 2015	84	3.50	Giỏi	370.000	
10	15105022	Phan Thị Thúy	Minh	CD.CNTP 2015	80	3.44	Giỏi	370.000	
11	15126014	Huỳnh Công	Minh	CD.ĐCN 2015	84	3.42	Giỏi	370.000	

TT	Mssv	Họ và tên	Lớp	Điểm RL1	Điểm TBCHT HK1	Loại	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
12	15120155	Phan Như Ý	CD.CNKOTO 2015	90	3.41	Giỏi	370.000	

*Ghi chú : DTBCHT của sinh viên có học bổng là : 3.41 trở lên; DRL đạt loại "Tốt" trở lên.

Vĩnh Long, Ngày 10 tháng 4 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH LONG

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 41ĐH
ĐƯỢC XÉT CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2016 - 2017

(Kèm theo quyết định số 15/QĐ-CT HSSV ngày 10 tháng 4 năm 2017)

TT	Mssv	Họ và tên	Lớp	Điểm RL1	Điểm TBCHT HK1	Loại	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
1	16011048	Bùi Thị Kim Yến	ĐH.CTXH 2016	91	4.00	Xuất sắc	480.000	
2	16003024	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	ĐH.CNKTBĐT 2016	90	4.00	Xuất sắc	480.000	
3	16005030	Trương Thị Ngọc Hân	ĐH.CNTP 2016	90	3.93	Xuất sắc	480.000	
4	16010109	Nguyễn Thị Cẩm Thơ	ĐH.TY 2016	90	3.93	Xuất sắc	480.000	
5	16006024	Nguyễn Văn Trọng	ĐH.CNKTCBDT 2016	91	3.89	Xuất sắc	480.000	
6	16010024	Lê Thị Huỳnh Giao	ĐH.TY 2016	90	3.80	Xuất sắc	480.000	
7	16005165	Võ Thị Mỹ Xuyen	ĐH.CNTP 2016	92	3.75	Xuất sắc	480.000	
8	16004042	Nguyễn Châu Hải My	ĐH.CNIT 2016	90	3.71	Xuất sắc	480.000	
9	16003012	Lê Thị Hồng Diễm	ĐH.CNKTBĐT 2016	87	4.00	Giỏi	450.000	
10	16004104	Lê Minh Thế Hiền	ĐH.CNIT 2016	84	4.00	Giỏi	450.000	
11	16004041	Nguyễn Công Lượng	ĐH.CNIT 2016	82	4.00	Giỏi	450.000	
12	16001101	Lâm An Lợi	ĐH.CNKTTTTO 2016	81	4.00	Giỏi	450.000	
13	16001110	Lương Huy Mẫu	ĐH.CNKTTTTO 2016	81	4.00	Giỏi	450.000	

TT	MsSV	Họ và tên	Lớp	Điểm RL1	Điểm TBCHT HK1	Loại	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
14	16005003	Bùi Thị Mỹ Anh	DH.CNTP 2016	81	4.00	Giỏi	450.000	
15	16005117	Nguyễn Thủy Hoàng Thiên	DH.CNTP 2016	81	4.00	Giỏi	450.000	
16	16004008	Võ Thanh Đàm	DH.CNTP 2016	80	4.00	Giỏi	450.000	
17	16004019	Võ Hoài Hân	DH.CNTP 2016	80	4.00	Giỏi	450.000	
18	16004026	Lê Trần Huỳnh Hương	DH.CNTP 2016	80	4.00	Giỏi	450.000	
19	16004068	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	DH.CNTP 2016	80	4.00	Giỏi	450.000	
20	16004083	Nguyễn Chí Tịnh	DH.CNTP 2016	80	4.00	Giỏi	450.000	
21	16005015	Nguyễn Thị Hồng Cơ	DH.CNTP 2016	80	4.00	Giỏi	450.000	
22	16011055	Đoàn Hồng Gấm	DH.CTXH 2016	80	4.00	Giỏi	450.000	
23	16010113	Thái Minh Tiến	DH.TY 2016	88	3.97	Giỏi	450.000	
24	16010098	Lê Diễm Sương	DH.TY 2016	87	3.97	Giỏi	450.000	
25	16008028	Trịnh Minh Kha	DH.CNKTC 2016	85	3.93	Giỏi	450.000	
26	16004127	Nguyễn Như Ý	DH.CNTP 2016	86	3.89	Giỏi	450.000	
27	16005130	Phạm Anh Tiên	DH.CNTP 2016	82	3.89	Giỏi	450.000	

*Ghi chú: DTBCHT của sinh viên có học bổng là: 3.89 trở lên; DRL đạt loại "Tốt" trở lên.

Vĩnh Long, Ngày 10 tháng 4 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VINH LONG

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 41CD
ĐƯỢC XÉT CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2016 - 2017

(Kèm theo quyết định số 15/QĐ-CT HSSV ngày 10 tháng 4 năm 2017)

TT	Mssv	Họ và tên	Lớp	Điểm RL1	Điểm TBCHT HK1	Loại	Học bổng (Đvt: đồng/tháng)	Ghi chú
1	16101062	Nguyễn Hữu Lợi	CD.CNKTTTTO 2016	91	3.83	Xuất sắc	400.000	
2	16126007	La Minh Hiếu	CD.DCN 2016	90	3.81	Xuất sắc	400.000	
3	16104036	Tổng Minh Tiến	CD.CNNT 2016	83	3.83	Giỏi	370.000	
4	16110015	Lữ Minh Luân	CD.TY 2016	83	3.83	Giỏi	370.000	
5	16103027	Võ Tường Vi	CD.CNKTBĐT 2016	80	3.83	Giỏi	370.000	
6	16110033	Nguyễn Thị Mai Thi	CD.TY 2016	87	3.75	Giỏi	370.000	
7	16110040	Nguyễn Văn Trọng	CD.TY 2016	83	3.75	Giỏi	370.000	
8	16110032	Nguyễn Công Thắng	CD.TY 2016	87	3.67	Giỏi	370.000	
9	16110006	Ngô Khánh Duy	CD.TY 2016	83	3.67	Giỏi	370.000	
10	16110018	Nguyễn Hoài Nam	CD.TY 2016	83	3.67	Giỏi	370.000	

TT	Massv	Họ và tên	Lớp	Điểm RL1	Điểm TBCHT HK1	Loại	Học bổng (Dvt: đồng/tháng)	Ghi chú
11	16110047	Nguyễn Hoàng Tiên	CD.TY 2016	83	3.67	Giỏi	370.000	
12	16101165	Nguyễn Nhật Duy	CD.CNKOTO 2016	80	3.56	Giỏi	370.000	
13	16101068	Nguyễn Văn Nang	CD.CNKOTO 2016	83	3.50	Giỏi	370.000	

*Ghi chú : DTBCHT của sinh viên có học bổng là : 3.50 trở lên; DRL đạt loại "Tốt" trở lên.

Vinh Long, Ngày 10 tháng 4 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

